

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TU VẤN CÔNG NGHỆ THIẾT BỊ VÀ KIỂM ĐỊNH XÂY DỰNG -CONINCO

Hà nội, tháng 05 năm 2021

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I.....	4
ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Các định nghĩa.....	4
CHƯƠNG II.....	5
TÊN, ĐỊA CHỈ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG	5
Điều 2. Tên, hình thức, địa chỉ trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty.....	5
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
Điều 4. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông công ty là tổ chức.....	7
CHƯƠNG III.....	8
MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	8
Điều 5. Mục tiêu của Công ty.....	8
Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty.....	8
Điều 7. Các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty.....	8
CHƯƠNG IV.....	9
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY	9
Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần	9
Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu	9
Điều 10. Chào bán, chuyển nhượng cổ phần	10
Điều 11. Công ty mua lại cổ phần.....	10
CHƯƠNG V.....	11
CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY	11
Điều 12. Nguyên tắc tổ chức, quản lý điều hành của Công ty.....	11
CHƯƠNG VI.....	12
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 13. Quyền hạn của cổ đông Công ty	12
Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty.....	14
Điều 15. Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 17. Triệu tập họp, chương trình Đại hội, thông báo mời họp và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 18. Điều kiện để tiến hành Đại hội đồng cổ đông	19
Điều 19. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ	20
Điều 20. Thẩm quyền và thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.....	22
Điều 21. Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	24

Điều 22. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	25
Điều 23. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	26
CHƯƠNG VII	26
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	26
Điều 24. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị	26
Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	27
Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT	28
Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị	29
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Quyền hạn và nhiệm vụ	30
Điều 29. Cuộc họp Hội đồng quản trị	31
Điều 30. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị	32
Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị	32
CHƯƠNG VIII	32
TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY	32
Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty	33
Điều 33. Tổng Giám đốc	33
Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc	33
Điều 35. Từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc	34
Điều 36. Giúp việc Hội đồng quản trị	34
CHƯƠNG IX	35
BAN KIỂM SOÁT	35
Điều 37. Ban kiểm soát của Công ty	35
Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát	36
Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát	36
Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát	37
CHƯƠNG X	38
TRÁCH NHIỆM NGHĨA VỤ CỦA	38
NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY	38
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	38
Điều 42. Trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người điều hành Công ty	39
CHƯƠNG XI	39
HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN	39
Điều 43. Phân phối lợi nhuận	39
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	40
Điều 45. Năm tài chính	40
Điều 46. Chế độ kế toán	41

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, báo cáo kiểm toán, báo cáo thường niên.....	41
CHƯƠNG XII	42
CON DẤU CÔNG TY, CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU	42
Điều 48. Con dấu Công ty.....	42
Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty.....	42
CHƯƠNG XIII	42
TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TRANH CHẤP, TRANH TỤNG	42
Điều 50. Tổ chức lại Công ty	42
Điều 51. Giải thể, phá sản, thanh lý	42
Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	43
Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ.....	43
CHƯƠNG XIV	43
NGÀY HIỆU LỰC.....	43
Điều 54. Ngày hiệu lực	44

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO được sửa đổi bổ sung theo Nghị quyết được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày tháng 05 năm 2021.

Những điều Luật Doanh nghiệp không quy định sẽ được quy định giải thích rõ trong Điều lệ. Các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các quy chế, quy định của Công ty nếu được thông qua một cách hợp lệ, theo đúng luật pháp sẽ là những nguyên tắc và quy định ràng buộc cùng với Điều lệ để tiến hành mọi hoạt động quản lý điều hành của Công ty.

CHƯƠNG I ĐỊNH NGHĨA VÀ THUẬT NGỮ SỬ DỤNG TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Các định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, các thuật ngữ được hiểu như sau:

a. “**Công ty**” là Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng – CONINCO;

b. “**Địa bàn hoạt động**” là lãnh thổ Việt nam và nước ngoài;

c. “**Vốn điều lệ**” có nghĩa là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 8 của Điều lệ này;

d. “**Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày thông qua 17/06/2020;

e. “**Luật Chứng khoán**” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày thông qua 26/11/2019;

f. “**Ngày thành lập**” là ngày mà Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

g. “**Pháp luật**” là hệ thống các văn bản ứng xử có tính bắt buộc do Nhà nước ban hành hoặc thừa nhận;

h. “**Người quản lý Công ty**” là thành viên Hội đồng quản trị; Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc;

- i. **“Người điều hành Công ty”** bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng;
- j. **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- k. **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- l. **“Cổ đông lớn”** là cổ đông được quy định tại Khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;
- m. **“Tranh chấp”** nghĩa là mọi vấn đề nghi ngờ, tranh chấp, mâu thuẫn, khác biệt hoặc kiến nghị phát sinh do, hoặc liên quan đến Điều lệ này hoặc việc vi phạm, chấm dứt hoặc hiệu lực của Điều lệ này.

2. Các tham chiếu trong Điều lệ này tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản pháp lý nào sẽ được hiểu là bao gồm cả những sửa đổi bổ sung của văn bản đó.

3. Các tiêu đề được đưa vào chỉ để tiện theo dõi tra cứu và không ảnh hưởng tới ý nghĩa của Điều lệ này.

4. Các từ ngữ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

CHƯƠNG II TÊN, ĐỊA CHỈ, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG

Điều 2. Tên, hình thức, địa chỉ trụ sở, Chi nhánh, Văn phòng đại diện và thời gian hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty :

- Tên tiếng Việt:

Công ty cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO

- Tên tiếng Anh:

Consultant and Inspection Joint Stock Company of Construction Technology and Equipment

- Tên giao dịch:

CONINCO

2. Nhãn hiệu thương mại [LOGO] :



3. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật Việt Nam.

4. Trụ sở chính :

- Địa chỉ : Số 4 Phố Tôn Thất Tùng, Phường Trung Tự, Quận Đống Đa, Thành phố Hà nội.

- Điện thoại: 84-24.38523706

- E-mail: conincohn@coninco.com.vn

- Website: <http://www.coninco.com.vn>

5. Chi nhánh tại TP Hồ Chí Minh:

- Địa chỉ : 34 Phố Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Điện thoại: 84-28.9972359

- E-mail: conincohcm@coninco.com.vn

6. Văn phòng Đại diện tại Thành phố Hải Phòng:

Địa chỉ: Lô 68, Khu tái định cư VSIP, thôn Bắc Vang, xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng

7. Công ty có thể thành lập Chi nhánh và Văn phòng đại diện tại địa bàn hoạt động để thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty phù hợp với Nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Luật pháp cho phép.

8. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 51 của Điều lệ này, thời hạn của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và được gia hạn tiếp đến vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại

diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có 01 Người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Trách nhiệm của Người đại diện theo pháp luật:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ, có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác

d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này.

Điều 4. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông công ty là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và của Luật pháp.

2. Cổ đông là Tổ chức có sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền.

3. Cổ đông công ty là tổ chức cử 02 người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp, số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho công ty và chỉ có hiệu lực đối với công ty kể từ ngày công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông;

b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của chủ sở hữu, thành viên, cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

CHƯƠNG III

MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu của Công ty

1. Mục tiêu kinh doanh của Công ty.

Huy động và sử dụng vốn đạt hiệu quả cao nhất, không ngừng tổ chức và phát triển hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực nhằm mục đích thu lợi nhuận tối đa, đảm bảo lợi ích cho các cổ đông, tạo việc làm ổn định và nâng cao đời sống thu nhập cho người lao động, làm tròn nghĩa vụ thuế đối với Ngân sách Nhà nước, đóng góp cho xã hội và phát triển Công ty lớn mạnh.

2. Lĩnh vực kinh doanh.

Hoạt động kinh doanh của CONINCO là cung cấp các dịch vụ và thực hiện kinh doanh các ngành nghề theo Đăng ký doanh nghiệp do Sở Kế hoạch Đầu tư thành phố Hà Nội cấp phép theo từng thời điểm điều chỉnh bổ sung.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định trong Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này, phù hợp với các quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành những hình thức kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng quản trị xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

3. Công ty được phép hoạt động kinh doanh trên toàn lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.

Điều 7. Các tổ chức chính trị xã hội khác trong Công ty

Việc thành lập và hoạt động của Đảng bộ Đảng Cộng sản Việt Nam và các tổ chức xã hội, đoàn thể của người lao động trong Công ty như tổ chức Công

đoàn, Đoàn Thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh... được thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ của các tổ chức đó. Công ty tôn trọng và tạo điều kiện để các tổ chức trên hoạt động.

CHƯƠNG IV

VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY

Điều 8. Vốn điều lệ, cổ phần

1. Vốn điều lệ của Công ty là 88.000.000.000VND (Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ đồng Việt Nam).
2. Được chia thành 8.800.000 cổ phần phổ thông (Bằng chữ: Tám triệu tám trăm nghìn cổ phần), mỗi cổ phần có mệnh giá 10.000VND (Bằng chữ: Mười nghìn đồng Việt Nam).
3. Cổ phần của Công ty phát hành tại thời điểm thành lập Công ty cổ phần là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Vốn điều lệ được sử dụng cho hoạt động kinh doanh, không đem chia cho các cổ đông trong bất kỳ trường hợp nào, trừ khi Công ty giải thể hoặc phá sản.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Nội dung chứng nhận cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn bảy [07] ngày làm việc kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phần.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

Điều 10. Chào bán, chuyển nhượng cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo một trong các hình thức sau đây:

- a) Chào bán cho các cổ đông hiện hữu;
- b) Chào bán ra công chúng;
- c) Chào bán cổ phần riêng lẻ.

3. Công ty thực hiện việc chào bán cổ phần theo quy định của Pháp luật về chứng khoán.

4. Sau khi cổ phần được bán, Công ty phát hành chứng nhận cổ phiếu và trao cho người mua.

5. Trong vòng mười [10] ngày kể từ ngày thay đổi vốn điều lệ, Công ty thực hiện việc đăng ký thay đổi với cơ quan có thẩm quyền.

6. Chuyển nhượng cổ phần của Công ty.

a) Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ những trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 26 Điều lệ này;

b) Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

7. Cổ phần của Công ty mua bằng tiền Việt Nam. Đối với các trường hợp thanh toán khác do Hội đồng quản trị quyết định.

Điều 11. Công ty mua lại cổ phần

1. Công ty mua lại cổ phần theo quy định tại Điều 36 luật Chứng khoán.

2. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành theo yêu cầu của cổ đông.

a) Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến công ty trong thời hạn mười [10] ngày làm việc kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này;

b) Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại Điểm a Khoản này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi [90] ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba [03] tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại, thực hiện theo quy định tại Điều 134 của Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG V

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 12. Nguyên tắc tổ chức, quản lý điều hành của Công ty

Cơ cấu tổ chức, quản lý và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.

2. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến lợi ích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

3. Ban Kiểm soát là cơ quan kiểm soát quản lý điều hành Công ty theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật liên quan.

4. Hội đồng quản trị bầu ra Chủ tịch HĐQT.

5. Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc khi được Hội đồng quản trị thông qua.

6. Chủ tịch HĐQT quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác theo quy chế quản lý Công ty.

CHƯƠNG VI CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

[Bỏ điều định nghĩa về cổ đông Công ty có định nghĩa tại giải thích từ ngữ]

Điều 13. Quyền hạn của cổ đông Công ty

1. Cổ đông Công ty có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 Luật Doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều 26 Điều lệ này;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin của cá nhân mình về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đòi xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ năm [05%] phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau:

- a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;
- b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;
- c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
- d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là năm [05] ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;
- e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ mười [10%] phần trăm tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

- a) Các cổ đông hợp thành nhóm đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

Điều 14. Nghĩa vụ của cổ đông Công ty

Cổ đông Công ty có các nghĩa vụ sau:

- 1.** Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
- 2.** Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.
- 3.** Tuân thủ Điều lệ công ty và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
- 4.** Chấp hành Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
- 5.** Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
- 6.** Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua các phương tiện theo thông báo hướng dẫn cụ thể cho từng cuộc họp của Công ty;
- 7.** Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.
- 8.** Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 15. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn [04] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá sáu [06] tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông tại trụ sở công ty hoặc một địa điểm được xác định ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c và Điểm d Khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi [30] ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy

định tại điểm c Khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu Đại hội đồng Cổ đông Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm [35%] phần trăm tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Quyết định mua lại trên mười [10%] phần trăm tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
- j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm được chấp thuận hoặc Ủy quyền cho HĐQT phê duyệt Công ty kiểm toán;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;

- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Ủy quyền cho HĐQT Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm [35%] phần trăm tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên mười [10%] phần trăm tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm [35%] phần trăm tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
 - s) Phê duyệt Quy chế quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
- 3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.**

Điều 17. Triệu tập họp, chương trình Đại hội, thông báo mời họp và ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá mười [10] ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi một [21] ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc lập Danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Luật Chứng khoán;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà nội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một [21] ngày trước ngày khai mạc cuộc họp. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty và được nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp trong Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ năm [05%] phần trăm cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp. Việc ủy quyền tham dự họp được lập bằng văn bản theo mẫu của Công ty thực hiện theo hướng dẫn của Công ty và quy định theo luật hiện hành.

Điều 18. Điều kiện để tiến hành Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên năm mươi [50%] phần trăm tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp triệu tập cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn ba mươi [30] ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất ba mươi ba [33%] phần trăm tổng số cổ phần phát hành tham dự.

3. Trường hợp triệu tập cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này, thì được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn hai mươi [20] ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần của các cổ đông dự họp.

Điều 19. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp ĐHĐCĐ

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết theo mẫu Công ty ban hành và công bố;

b) Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Cổ đông ghi ý kiến biểu quyết và bỏ phiếu. Ban Kiểm phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu, lập Biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả kiểm phiếu ngay tại Đại hội;

c) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại Điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một số người vào Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá ba [03] ngày làm việc kể từ ngày cuộc

hợp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
- b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
- c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp Chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại Khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế Chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và Khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 20. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp:

- a) Sửa đổi, bổ sung nội dung của Điều lệ công ty;
- b) Định hướng phát triển công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ ba mươi lăm [35%] phần trăm tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- f) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là mười [10] ngày trước thời hạn phải gửi lại

phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 17 Điều lệ này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 17 Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty bằng hình thức gửi thư, hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

- a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
- b) Trường hợp gửi thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
- c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty. Biên bản kiểm phiếu bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu;

g) Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm [15] ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên Bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 21. Điều kiện thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ sáu mươi lăm [65%] phần trăm trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Đầu tư dự án hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn ba mươi lăm [35%] phần trăm tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

e) Tổ chức lại, giải thể công ty.

3. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi [50%] phần trăm tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các Khoản 2 Điều này và các Khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

4. Trường hợp nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên năm mươi [50%] phần trăm tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp và các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thi hành.

6. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông hay ủy quyền tham dự đại diện một trăm [100%] phần trăm tổng cổ phần biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình và thể thức tiến hành họp không thực hiện theo quy định.

7. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 22. Nghị quyết và Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi vào Sổ biên bản của Công ty. Sổ biên bản được lập bằng tiếng Việt và có các nội dung được quy định tại Khoản 1 Điều 150 của Luật Doanh nghiệp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

3. Chủ tọa và Thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản.

4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn [24] giờ kể từ khi được thông qua và đồng thời được gửi cho Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Biên bản, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm thông báo mời họp phải được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi [90] ngày kể từ ngày nhận được Nghị quyết hoặc Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc Biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này trừ trường hợp quy định tại Khoản 6 Điều 21 Điều lệ này.
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

CHƯƠNG VII HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 24. Số lượng thành viên và nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm [05] người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm [05] năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
3. Cơ cấu Hội đồng quản trị của Công ty đảm bảo tối thiểu một phần ba [1/3] tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị là một [01] thành viên. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Công ty không quá hai [02] nhiệm kỳ liên tục.
4. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

5. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin của Công ty đại chúng.

Điều 25. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Hội đồng quản trị có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

f) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ ba mươi lăm [35%] phần trăm tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bầu, miễn nhiệm đối với Tổng giám đốc; quyết định phê duyệt quỹ lương hàng năm;

j) Giám sát, chỉ đạo Ban Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

k) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

- l) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến đề Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
- m) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
- n) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh; Phê duyệt đơn vị kiểm toán được chấp thuận khi được ĐHĐCĐ ủy quyền.
- o) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
- p) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.
- r) Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị hàng năm theo quy định hiện hành.
- s) Yêu cầu Ban Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty. Các thông tin này phải được cung cấp ngay khi được yêu cầu, thông tin chính xác và trung thực;
- t) Các quyền và nghĩa vụ khác tuân theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

3. Khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ luật pháp, Điều lệ Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua các quy định trái với pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên chấp thuận thông qua quyết định phải chịu trách nhiệm cá nhân về quyết định đó và đến bù thiệt hại cho Công ty.

Điều 26. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT

- 1.** Không thuộc các trường hợp không được phép quản lý điều hành doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- 2.** Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty.
- 3.** Tiêu chuẩn về vốn phải đáp ứng một trong các điều kiện sau:

a) Là đại diện của một nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phát hành trở lên, trong đó cá nhân cổ đông đại diện phải sở hữu từ 2% tổng số cổ phần phát hành trở lên liên tục trong 6 tháng;

b) Cổ đông là 1 tổ chức được đề cử ứng viên theo phương thức sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phát hành trở lên được giới thiệu 1 ứng cử viên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị trong suốt thời gian thực hiện nhiệm kỳ không được tự do chuyển nhượng cổ phiếu của mình

Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị muốn chuyển nhượng cổ phiếu phải được hai phần ba [2/3] số thành viên Hội đồng quản trị trở lên đồng ý.

5. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT độc lập theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều 155 Luật Doanh nghiệp.

Điều 27. Miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Thành viên đó không đủ tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ này và Điều 155 của Luật Doanh nghiệp;

b) Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu [06] tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ người này bị bỏ trống;

c) Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức;

d) Thành viên đó có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ mất năng lực hành vi;

e) Thành viên đó bị miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm tạm thời một thành viên mới thay thế vào chỗ trống bất ngờ phát sinh đó và thành viên này phải được chấp thuận bằng việc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm tạm thời. Nhiệm kỳ của thành viên mới được bầu là thời hạn còn lại của Hội đồng quản trị.

3. Trường hợp số lượng thành viên Hội đồng quản trị giảm quá một phần ba [1/3] so với số lượng được bầu đầu nhiệm kỳ thì Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn không quá sáu mươi [60] ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba [1/3] để bầu bổ sung thành viên

Hội đồng quản trị. Các trường hợp khác theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị - Quyền hạn và nhiệm vụ

1. Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị trong số các thành viên Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Người đại diện theo pháp luật của Công ty, chỉ đạo điều hành và ủy quyền điều hành hoạt động của Công ty theo Quy chế Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các nhiệm vụ chính sau:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Quyết định triệu tập, hình thức, chương trình, nội dung họp, chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Chỉ đạo triển khai các nghị quyết của ĐHĐCĐ, xem xét kế hoạch SXKD hàng năm do Ban TGD đệ trình và thông qua Hội đồng quản trị.
- g) Ban hành Quy chế Công ty thuộc thẩm quyền;
- h) Ký các loại văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị khi đã được Hội đồng quản trị thông qua;
- i) Ký bổ nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi được HĐQT thông qua, ký bổ nhiệm, miễn nhiệm các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác. Ký hợp đồng lao động với người được bổ nhiệm. Phân công nhiệm vụ thành viên HĐQT và Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cán bộ quản lý khác;
- j) Thông qua các loại hợp đồng mua bán và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới ba mươi lăm [35%] phần trăm tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các trường hợp quy định tại Điểm d Khoản 2 Điều 138, Khoản 1 và Khoản 3 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp.
- k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ

tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị không làm việc được thì các thành viên còn lại trong Hội đồng quản trị sẽ bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn thì Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời gian mười [10] ngày kể từ ngày Chủ tịch bị bãi miễn chức vụ.

Điều 29. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được triệu tập trong vòng bảy [07] ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này sẽ do người có số phiếu bầu cao nhất đứng ra triệu tập.

2. Hội đồng quản trị họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần, hoặc họp bất thường vào bất cứ lúc nào theo triệu tập của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Chủ tịch Hội đồng quản trị lập chương trình nghị sự, thông báo thời gian và địa điểm họp ít nhất ba [03] ngày làm việc trước ngày họp dự kiến. Thông báo họp được gửi bằng hình thức thư điện tử, hay hình thức khác đảm bảo tới được địa chỉ của thành viên Hội đồng quản trị đã đăng ký với Công ty.

3. Hội đồng quản trị có thể họp bất thường theo đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích và các vấn đề cần bàn của:

- a) Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập;
- b) Có ít nhất hai [02] thành viên Hội đồng quản trị trở lên;
- c) Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm [05] người quản lý của Công ty.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy [07] ngày làm việc, kể từ khi nhận được các kiến nghị yêu cầu họp bằng văn bản quy định tại Khoản 3 Điều này. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không triệu tập họp thì người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra cho Công ty.

5. Cuộc họp Hội đồng quản trị được coi là họp lệ khi có từ ba phần tư [3/4] tổng số thành viên trở lên tham dự. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy [07] ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất và phải có hơn một nửa số thành viên dự họp.

Điều 30. Thông qua quyết định của Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại Khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, thư điện tử;
- e) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là một [01] giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

3. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

4. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 31. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Tất cả các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi đầy đủ vào sổ Biên bản họp Hội đồng quản trị bằng tiếng Việt và phải đầy đủ các nội dung theo quy định tại các Điểm của Khoản 1 Điều 158 Luật Doanh nghiệp.

2. Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Biên bản Hội đồng quản trị. Biên bản họp và tài liệu sử dụng họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính Công ty.

CHƯƠNG VIII TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 32. Tổ chức bộ máy quản lý Công ty

1. Công ty xây dựng hệ thống bộ máy quản lý Công ty đảm bảo chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty.

2. Công ty có Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị bổ nhiệm theo quy chế Công ty.

3. Người điều hành Công ty, cán bộ quản lý khác được trả lương và thưởng và các chế độ theo quy định. Tiền lương và thưởng theo mức được phê duyệt của Chủ tịch Hội đồng quản trị hàng năm theo KH SXKD.

Điều 33. Tổng Giám đốc

1. Chủ tịch HĐQT quyết định và bổ nhiệm Tổng Giám đốc khi được Hội đồng quản trị thông qua. Tổng Giám đốc là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Tổng Giám đốc điều hành hoạt động trong các lĩnh vực được phân công theo ủy quyền theo Quy chế Công ty và Hợp đồng lao động. Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị về quyền hạn, nhiệm vụ được giao. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm [05] năm và theo điều kiện quy định tại Hợp đồng lao động và Quy chế Công ty. Tổng Giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc:

a) Là thành viên Hội đồng quản trị;

b) Có trình độ chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động của Công ty;

c) Có kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, quản trị doanh nghiệp;

d) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo Luật Doanh nghiệp quy định.

Điều 34. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc

1. Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty trong phạm vi lĩnh vực được phân giao phụ trách theo ủy quyền điều hành từ Chủ tịch Hội đồng quản trị, Quy chế Công ty và Hợp đồng lao động bao gồm :

- Triển khai nghị quyết của Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ phân công.

- Xây dựng kế hoạch, lập phương án sản xuất kinh doanh và các lĩnh vực khác theo lĩnh vực được phân công.
 - Tuyển dụng, sử dụng, quản lý người lao động, quyết định mức lương và phụ cấp người lao động theo phạm vi được phân công phụ trách.
 - Ký các loại hợp đồng thương mại, giao dịch theo phân công nhiệm vụ và Quy chế của Công ty.
2. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo phân công cụ thể tại Hợp đồng lao động và Quy chế quản lý Công ty.

Điều 35. Từ chức, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc Công ty từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây :
- a) Khi Tổng Giám đốc muốn từ chức phải có đơn gửi bằng văn bản cho Hội đồng quản trị. Trong thời gian tối đa sáu mươi [60] ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải xem xét và quyết định;
 - b) Tổng Giám đốc bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi và có các bằng chứng chứng minh về hạn chế đó;
 - c) Tổng Giám đốc vi phạm pháp luật, bị tước quyền công dân, vi phạm Điều lệ Công ty gây hậu quả nghiêm trọng;
 - d) Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi Tổng Giám đốc vi phạm các quy tắc Hội đồng quản trị đề ra, không hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đặt ra trong ba [03] năm liên tiếp khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (nếu thành viên HĐQT kiêm nhiệm Tổng giám đốc thì không được tham gia biểu quyết).
2. Sau khi bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ngay Tổng Giám đốc mới.

Điều 36. Giúp việc Hội đồng quản trị.

Công ty thành lập Văn phòng Hội đồng quản trị có chức năng giúp việc Hội đồng quản trị gồm các nội dung

- 1. Hỗ trợ Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- 2. Giúp việc cho Hội đồng quản trị trong các lĩnh vực được phân công;
- 3. Tổng hợp, phân tích cung cấp thông tin theo yêu cầu của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty;

4. Ghi chép Biên bản các cuộc họp của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, biên tập chương trình và tài liệu các cuộc họp và gửi cho các thành viên theo quy định của Điều lệ này;

5. Tư vấn về thủ tục các cuộc họp; Hỗ trợ Công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

6. Tổ chức biên tập và đưa tài liệu của các cuộc họp vào lưu trữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

CHƯƠNG IX

BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ban kiểm soát của Công ty

1. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu và bãi nhiệm. Thành viên Ban kiểm soát gồm ba [03] người. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá năm [05] năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Các thành viên Ban kiểm soát bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Trường hợp khuyết Trưởng Ban kiểm soát, các thành viên còn lại cử một người tạm thay thế cho đến khi bổ sung đủ số thành viên sẽ tiến hành bầu Trưởng Ban kiểm soát mới.

3. Thành viên Ban kiểm soát là những người không thuộc đối tượng mà pháp luật và Điều lệ công ty cấm làm thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban kiểm soát phải là người có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm. Thành viên Ban kiểm soát có thể không phải là cổ đông của công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

5. Thành viên Ban kiểm soát không được là người quản lý Công ty; không phải vợ, chồng, bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh chị em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý Công ty.

6. Thành viên Ban kiểm soát hưởng thù lao do Đại hội đồng cổ đông quyết định và theo các quy định tại Điều 172 của Luật Doanh nghiệp.

7. Thành viên Ban kiểm soát được miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên của Ban kiểm soát theo quy định;
- b) Không thực hiện quyền và nhiệm vụ của mình trong sáu [06] tháng liên tục;
- c) Có đơn xin từ chức;
- d) Bị mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự;
- e) Trong nhiệm kỳ, thành viên Ban kiểm soát cũng có thể bị miễn nhiệm bất cứ khi nào theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình có nguy cơ gây thiệt hại cho Công ty thì Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để xem xét miễn nhiệm Ban kiểm soát đương nhiệm và bầu Ban kiểm soát mới thay thế.

Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

3. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

4. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

5. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 39. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;

quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

3. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, cán bộ quản lý khác.

4. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và cổ đông.

5. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

6. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

7. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

8. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

9. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Người điều hành Công ty và cán bộ quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

10. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai [02] lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba [2/3] số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

CHƯƠNG X

TRÁCH NHIỆM NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi [50%] phần trăm trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử

dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

7. Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng hai mươi [20%] phần trăm tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

8. Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn hai mươi [20%] phần trăm hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ mười [10%] phần trăm trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm khi vi phạm nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Người điều hành Công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Người điều hành Công ty vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

CHƯƠNG XI HẠCH TOÁN, PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 43. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết theo quy định của cổ phiếu niêm yết.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hằng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hằng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm đó.

Điều 46. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

Điều 47. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý, báo cáo kiểm toán, báo cáo thường niên

1. Công ty phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.
3. Đại hội đồng cổ đông có thể ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.
4. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.
6. Công ty lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG XII CON DẤU CÔNG TY, CHẾ ĐỘ LƯU GIỮ TÀI LIỆU

Điều 48. Con dấu Công ty

1. Công ty có con dấu riêng. Hình thức và nội dung con dấu, điều kiện làm con dấu và chế độ sử dụng con dấu thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Con dấu là tài sản của Công ty. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty phải chịu trách nhiệm quản lý và sử dụng và ủy quyền sử dụng các con dấu tại trụ sở và lưu động theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Điều 49. Chế độ lưu giữ tài liệu của Công ty

1. Công ty lưu giữ các tài liệu theo quy định tại Pháp lệnh lưu trữ quốc gia và các quy định của Điều lệ này.

2. Công ty lưu giữ các tài liệu quy định tại Khoản 1 Điều này tại nơi an toàn. Thời hạn lưu giữ tài liệu thực hiện theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG XIII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN, TRANH CHẤP, TRANH TỤNG

Điều 50. Tổ chức lại Công ty

Đại hội đồng cổ đông quyết định việc tổ chức lại Công ty trong các trường hợp có biến động lớn hoặc trước những thời cơ, yêu cầu cấp bách. Trong trường hợp này, Công ty có thể được tổ chức lại dưới một trong các hình thức: chia, tách, hợp nhất với một hoặc một số doanh nghiệp khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.

Điều 51. Giải thể, phá sản, thanh lý

1. Công ty bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Đại hội đồng cổ đông quyết định giải thể trước thời hạn, hoặc
- b) Không còn đủ số lượng cổ đông tối thiểu theo quy định của pháp luật, hoặc
- c) Toà án quyết định đình chỉ hoạt động trong trường hợp Công ty vi phạm pháp luật, hoặc

- d) Bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi giấy phép hoạt động.
2. Trình tự và thủ tục giải thể Công ty được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật hiện hành.
 3. Trường hợp bị toà án tuyên bố phá sản, thủ tục giải quyết phá sản đối với Công ty sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
 4. Việc thanh lý tài sản của Công ty trong trường hợp bị giải thể, phá sản được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 52. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại giữa Công ty với các cổ đông trong Công ty hay giữa các cổ đông với nhau, thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp thông qua nguyên tắc tôn trọng lẫn nhau. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ giải quyết các tranh chấp nội bộ trong phạm vi quyền hạn của mình. Trường hợp sau sáu mươi [60] ngày kể từ ngày tranh chấp phát sinh mà các bên vẫn không thể tự thương lượng hoà giải và thoả thuận được với nhau, các tranh chấp, tranh tụng đó được giải quyết tại Toà án hoặc Trọng tài theo quy định của pháp luật.

2. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng hòa giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa án phán quyết bên nào phải chịu.

Điều 53. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc sửa đổi bổ sung Điều lệ này được thông qua khi được đại diện ít nhất sáu mươi lăm [65%] phần trăm tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp tại Đại hội đồng cổ đông chấp thuận theo quy định tại Điều lệ này.

2. Trong trường hợp có các quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản quy định trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XIV NGÀY HIỆU LỰC

Điều 54. Ngày hiệu lực

- 1.** Bản Điều lệ này gồm 14 Chương và 54 Điều đã được sửa đổi bổ sung và được nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày tháng năm 2021.
- 2.** Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
- 3.** Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT